

Số: 567/2024/HS-ST

Ngày: 14/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 532/2024/HSST ngày 16/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 9042/2024/QĐXXST-HS ngày 30/10/2024, đối với bị cáo:

Hoàng Văn T; sinh năm: 2001 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 2 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị L.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Anh Huỳnh Gia N, sinh năm 2004 (có yêu cầu vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: 4 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 23/4/2024, Hoàng Văn T điều khiển xe ô tô hiệu Honda màu trắng mượn của 01 người bạn (không nhớ biển số xe) đến nhà trọ của Huỳnh Gia N ở địa chỉ: 4, đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để đón N đi chơi. Trên đường đi, do không rành đường, T nói N cho mượn điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu trắng của N để xem Google maps chỉ đường đi. N đồng ý, sau đó N nhập mật khẩu “556162” để mở

khóa điện thoại, mở ứng dụng Google maps lên rồi đưa cho T, T nhận lấy điện thoại từ Nhả, phóng to màn hình để xem chỉ đường, sau đó để điện thoại của N trên táp-lô xe ô tô, tiếp tục điều khiển xe chở N đến quán ăn. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đến quán B địa chỉ: A K, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để ăn tối. Khi vào quán ăn, điện thoại của N vẫn ở trên xe, N nhờ T ra lấy đồ và lấy điện thoại, sau đó T đi bộ ra xe ô tô lấy đồ. Khi ra đến xe ô tô, T nhìn thấy điện thoại của N vẫn đang sáng màn hình để trên táp-lô xe, do bức tức vì trên đường đi, T đã yêu cầu N trả tiền đã mượn nhưng N im lặng, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên; T lên xe ô tô, điều khiển xe cùng với điện thoại của N rời đi. Khoảng 05 phút sau, do đợi lâu không thấy T quay trở lại, N ra ngoài tìm không thấy xe ô tô của T, N nhờ chủ quán bánh canh của kiểm tra dữ liệu Camera xác định T đã rời đi, một lúc sau Nhả nhờ chủ quán đặt xe ôm công nghệ G để về nhà.

Sau khi chiếm đoạt được điện thoại của N, T điều khiển xe ô tô đến nhà bạn ở quận G ngủ nhờ 01 đêm. Do được N cho biết mật khẩu mở khóa điện thoại là “556162”, nên đến 22 giờ 02 phút cùng ngày, T nhập mật khẩu “556162” mở khóa điện thoại của N và mở khóa thành công. T vào cài đặt điện thoại, thao tác xóa mật khẩu điện thoại rồi xóa tài khoản Icloud của N và để trống I, đồng thời chặn hết liên lạc và xóa kết bạn trên ứng dụng Zalo, M với N. Đến 22 giờ 07 phút, T tiếp tục dùng mật khẩu điện thoại “556162” thử đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng T3 của N 01 lần và đăng nhập thành công. Sau đó, T thực hiện lệnh chuyển tiền qua số tài khoản cá nhân của T là 5705205269883 ngân hàng A tên tài khoản “HOANG VAN TAM” với số tiền là 5.000.000 đồng. Đến 23 giờ 00 phút, N mượn điện thoại của bạn đăng nhập vào Gmail “banhtrangbocuon@gmail.com” có liên kết với điện thoại Iphone 14 Promax của mình thì phát hiện vào lúc 22 giờ 02 phút có tin nhắn Gmail “đã tắt ứng dụng tìm trên Xuka” (X là tên N đặt cho điện thoại Iphone 14 Promax) và thông báo “đặt lại mật khẩu cho ID Apple của bạn” nên N biết là T đã chiếm quyền sử dụng điện thoại của mình, sau đó N có nhắn tin và gọi điện trên ứng dụng M đến tài khoản “Hoàng Tâm” và nhắn tin trên ứng dụng Zalo đến tài khoản “Hoàng Tâm” của T đề yêu cầu T trả lại điện thoại nhưng đã bị T chặn liên lạc. Khoảng 09 giờ ngày 24/4/2024, N đến ngân hàng T3 để kiểm tra tiền trong tài khoản thì phát hiện tài khoản đã bị chuyển 5.000.000 đồng đến tài khoản của T. Ngày 24/4/2024, T điều khiển xe ô tô đã mượn đi trả, đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, T nhắn tin cho người bạn quen trên mạng tên T2 (không rõ lai lịch) qua ứng dụng Telegram, nhờ mang điện thoại của N đi bán. T gặp T2 tại một quán Internet (không nhớ địa chỉ) và đưa cho T2 điện thoại đã chiếm đoạt được của N, T2 cầm điện thoại đi, sau đó quay lại đưa cho T một số tiền mặt gồm nhiều mệnh giá nói là “đây là 10.000.000 đồng tiền bán điện thoại”. Tổng số tiền T chiếm đoạt được của N là 15.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng bán điện thoại và 5.000.000 đồng Tâm chiếm đoạt từ tài khoản ngân hàng), T tiêu xài cá nhân hết. Ngày 12/6/2024, N đến Công an phường H trình báo, sau đó T bị Công an phường H mời về làm việc và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Hoàng Văn T thừa nhận toàn bộ nội dung như trên. (Bút lục: 23 – 25; 28 – 31, 35 - 37).

Kết luận định giá tài sản Số 289-KV3/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận giá trị 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng dung lượng 256GB trị giá 14.800.000 đồng. (Bút lục: 14).

* *Vật chứng vụ án*: 01 USB chứa Camera ghi nhận lại hình ảnh T và N đến quán ăn tối (kèm hồ sơ vụ án).

* *Về trách nhiệm dân sự*:

- Quá trình điều tra và truy tố, anh Huỳnh Gia N yêu cầu T bồi thường 40.000.000 đồng, T chưa bồi thường. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh N có lời khai yêu cầu T bồi thường số tiền 19.800.000 đồng (bao gồm tiền 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax theo định giá 14.800.000 đồng và 5.000.000 đồng Tâm đã chuyển khoản vào tài khoản T).

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận định giá, đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và không khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm c khoản 1 Điều 290; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội nêu trên là từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh N số tiền 19.800.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Giải quyết theo quy định pháp luật.

Về án phí: buộc bị cáo nộp án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Bị cáo T không bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là anh Huỳnh Gia N có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét sự vắng mặt của đương sự nêu trên không gây trở ngại cho việc

xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 23/4/2024, tại trước quán B địa chỉ: A K, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Hoàng Văn T có hành vi nhận được điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax của Huỳnh Gia N do được N giao cho quản lý, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt điện thoại Iphone 14 Promax trị giá 14.800.000 đồng. Ngoài ra, T còn có hành vi sử dụng điện thoại của N truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng T3 của N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng. Hành vi của Hoàng Văn T đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm hoạt động bình thường trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Cáo trạng số 497/CT-VKSTP.TĐ ngày 15/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt: Không có.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa có cung cấp Đơn xin xác nhận của ông Hoàng Văn T1 là cha ruột của Hoàng Văn T tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh có nội dung để xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên có căn cứ áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong toàn xã hội.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 USB chứa Camera ghi nhận lại hình ảnh T và N đến quán ăn tối là tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: anh Huỳnh Gia N có yêu cầu buộc bị cáo T bồi thường số tiền 19.800.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 990.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức án, nghĩa vụ dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm c khoản 1 Điều 290, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội nêu trên là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 USB chứa Camera ghi nhận lại hình ảnh T và N đến quán ăn tối.

4. Về nghĩa vụ dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Huỳnh Gia N số tiền 19.800.000 đồng.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 990.000 đồng (chín trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương